

.....

**UBND QUẬN ĐỒNG ĐA
TRƯỜNG TIỂU HỌC CÁT LINH**



**SÁNG KIẾN KINH NGHIỆM
MỘT SỐ BIỆN PHÁP RÈN VIẾT ĐÚNG
CHO
HỌC SINH LỚP 1**

Môn: Tiếng Việt

Người thực hiện: Phan Thị Tuyết Liên

Giáo viên cơ bản

Năm học 2010 - 2011

A- PHẦN MỞ ĐẦU

I- LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI:

1. Cơ sở lý luận :

Chữ viết là một trong những phát minh vĩ đại nhất của con người. Từ khi ra đời, nó là công cụ đắc lực trong việc ghi lại, truyền bá toàn bộ kho tri thức của nhân loại. Chẳng những thế con người còn coi chữ viết như một người bạn thân thiết và gần gũi.

Trẻ em từ nhỏ, đặc biệt là học sinh, học viết chữ là niềm hạnh phúc lớn nhất không chỉ của bản thân các em mà còn là hạnh phúc của các bậc làm cha, làm mẹ. Biết chữ, biết viết thì cả một thế giới mở ra trước mắt em. Học chữ chính là công việc đầu tiên khi các em từ nhỏ.

Tập viết là phân môn có tầm quan trọng đặc biệt trong học, nhất là đối với lớp 1. Phân môn tập viết trang bị cho học sinh bộ chữ cái Latinh và những yêu cầu kỹ thuật để sử dụng bộ chữ cái đó trong học tập và giao tiếp. Vì vậy chữ viết của học sinh là vấn đề đáng quan tâm trong và ngoài ngành Giáo Dục Đào tạo. Ngay từ đầu năm học, nét chữ của học sinh là một trong hai vấn đề: Thứ nhất, nét chữ thể hiện tính cách con người; thông qua rèn luyện chữ viết mà giáo dục nhân cách con người. Vì vậy phong trào viết chữ đẹp và là một mục đích, động lực thúc đẩy trong quá trình rèn luyện học sinh viết đúng, dẫn tới việc viết đẹp cho học sinh, nâng phần vào việc giáo dục toàn diện cho học sinh ngay từ lớp 1.

Tập viết v i nh ng quy tắc chặt chẽ g p phần rèn luyện m t trong nh ng
kĩ năng hàng đầu c a việc h c tiếng Việt trong nhà tr ng- kĩ năng viết ch .
iêu đ li n quan tr c tiếp đến chất l ng h c tập c a môn Tiếng Việt n i ri ng
và các môn h c khác n i chung. Nếu viết đ ng ch mẫu , r ràng, t c đ
nhanh thì h c sinh c điều kiện ghi chép bài h c t t, nh vậy kết quả h c tập sẽ
cao hơn. Viết xấu, t c đ chậm sẽ không c th i gian ch nghe cô giáo giảng
bài, không hiểu bài... sẽ dẫn đến chất l ng h c tập kém. Nh vậy y u cầu đ i v i
h c tr là phải viết đ ng, đẹp, r ràng và vẫn đảm bảo t c đ viết. iều cơ
bản chi ph i đến t c đ viết chính là kĩ thuật viết.

T việc xác định đ c vị trí quan tr ng c a ch viết l p 1, tôi
đã c h n nghi n c u đ **MỘT SỐ BIỆN PHÁP RÈN**

VIẾT CHỮ ĐÚNG CHO HỌC SINH LỚP 1” và tìm ra những biện pháp hiệu quả nhất để nâng cao chữ viết cho sinh.

2. Cơ sở thực tiễn:

Ngày nay trong sự phát triển của nền kinh tế tri thức, thời đại bùng nổ thông tin, chữ viết càng đặc biệt vì tính làm thay, vậy việc rèn chữ viết cho học sinh liệu có còn quan trọng.

Mặt khác đối với học sinh lớp 1 ngày đầu tiên đi học trong phòng thông thoáng bưng, việc làm quen với chữ viết thật khó khăn. Ở lớp 1, do tay các em còn yếu, khả năng tri giác còn chậm nên ban đầu và cả trong quá trình học tập các em còn gặp những khó khăn bưng, nhất là giai đoạn chuyển từ bắt chước sang viết bắt mô phỏng, từ giai đoạn viết chữ cái sang chữ cái nhỏ.

Là một giáo viên dạy lớp 1 tôi nhận thấy rằng đối với học sinh lớp 1 nếu có một mặt tích cực đối với các em viết đúng, viết đẹp ngay là một điều không thể thiếu, không thể thiếu được. Vì vậy tôi đã xác định mục đích viết đẹp thì việc đầu tiên cần làm ở lớp 1 là rèn cho trẻ có nề nếp và kỹ thuật viết chữ đúng thì mới có cơ sở để viết đẹp. Đây chính là yêu cầu cơ bản quyết định trong việc rèn viết đẹp cho suốt quá trình học tập của học sinh.

II. MỤC ĐÍCH- NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU:

- Đề tài này nghiên cứu về mục đích đưa ra một số biện pháp rèn kỹ thuật viết chữ để làm cơ sở cho việc viết đẹp của học sinh lớp 1.

- Nhiệm vụ : Nghiên cứu thực trạng viết chữ của học sinh lớp 1, trình bày, các phương pháp dạy học Tập viết chữ yếu thành vững : đưa ra một số giải pháp rèn kỹ thuật viết chữ cho học sinh lớp 1 nói riêng và Tiểu học nói chung.

III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU:

- Nghiên cứu tài liệu lý thuyết.

Nghiên cứu thực tiễn điều tra qua giảng dạy, dạy, giảng, tổng kết kinh.

B- PHẦN NỘI DUNG

I- MỤC TIÊU- NHIỆM VỤ CỦA DẠY TẬP VIẾT:

Phân môn tập viết tiểu học truyền thống cho học sinh nhận biết kiến thức cơ bản về chữ viết và kỹ thuật viết chữ. Riêng với lớp 1, học sinh luyện tập viết chữ dựa vào hai hình thức chủ yếu: luyện tập viết chữ cái và tập viết theo các yêu cầu kỹ thuật trong các tiết tập viết. Có thể là:

Về kiến thức: Giúp học sinh nhận biết và hiểu biết về đường kẻ, đường kẻ, đường cao, chiều, hình dáng và tên gọi các nét chữ, cấu tạo chữ cái, khoảng cách giữa các nét chữ và giữa các chữ cái, cách ghi tiếng, cách viết các chữ viết thường, dấu thanh và chữ số.

Về kỹ năng: Viết đúng quy trình viết nét, viết chữ cái và liên kết chữ cái tạo thành ghi tiếng theo yêu cầu liền mạch. Viết thẳng hàng các chữ trên dòng kẻ. Ngoài ra học sinh còn được rèn luyện các kỹ năng như: tư thế ngồi viết, cách cầm bút, để vở ...

II- NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN TRONG DẠY TẬP VIẾT Ở LỚP 1:

1. Thuận lợi:

- Ở lớp 1, việc dạy viết được phân bổ nhiệm vụ dạy học văn, chương trình dạy Tập viết được sắp xếp hợp lý.

- Các nội dung viết được sắp xếp từ những nét cơ bản đến chữ phức tạp, từ dễ đến khó.

- Ban giám hiệu quan tâm sâu sát, trang bị cơ sở vật chất tốt cho lớp học.

- Các thầy cô giáo quan tâm đến công việc rèn luyện và trang bị cho học sinh đầy đủ đồ dùng, dụng cụ tập viết.

- a s các em đều qua mẫu giáo.
- L p h c đ c trang bị mẫu ch theo chuẩn c a B Giáo d c. Giáo vi n c mẫu ch th ng, ch hoa đầy đ , chuẩn, đẹp.
- Các l c l ng trong và ngoài ngành Giáo d c quan tâm đảy mạnh phong trào rèn ch tạo khí thế thi đua sôi n i trong h c sinh.

2. Kh khăn:

B n cạnh đ c ng c không ít nh ng kh khăn.

- Về phía giáo vi n: Giáo vi n Tiểu h c tuy đă coi tr ng gi tập viết song đây là m t tiết kh , khi dạy th ng không đảm bảo đ c về mặt th i gian do n i dung c a m t tiết h c quá dài và c n phải ph thu c nhiều đến t c đ viết c a h c sinh. Vì thế khi h ng dẫn viết giáo vi n chỉ khắc sâu cho h c sinh nh ng điểm chính, nét chính c a ch viết ch cha h ng dẫn cho h c sinh tỉ mỉ về kĩ năng viết sao cho ch chuẩn, đẹp mà lại mềm mại. H ng dẫn quy trình viết t ng ch chiếm khá nhiều th i l ng c a tiết h c n n việc luyện viết tr n bảng con c a h c sinh cha nhiều, cha kĩ. Chính vì vậy chất l ng ch viết cha đảm bảo, t c đ viết ch c a các em cha nhanh, các em th ng mắc nh ng l i cơ bản về kĩ thuật viết nh: điểm đặt b t c a các con ch cha đ ng n n ch cha đều nét, đ r ng hẹp c a các con ch cha chuẩn, khoảng cách gi a các con ch khi li n kết cha chính xác, nét ch cha mềm mại, liền mạch...

- Về phía h c sinh: Là h c sinh l p 1 tu i nh , hiểu đ ng mau nh ch ng qu n n n nh ng thuật ng và các kĩ thuật viết cô đ ra các con cha nắm chắc. Các con th ng không ki n trì, tay lại yếu n n các đ ng tác viết cha đ c khéo léo, cẩn thận.

- M t s h c sinh viết ẩu, nguệch ngoạc không đ ng nét.

- Các em cầm b t cha đ ng, cầm sát ng i b t, cầm b t chặt quá, cha biết cách để v .

Chính vì vậy, vai tr c a giáo vi n, nhất là giáo vi n l p 1 trong việc rèn ch là vô c ng quan tr ng và cần thiết.

III. CÁC BIỆN PHÁP TIẾN HÀNH

1. Giáo viên cần nắm chắc yêu cầu cơ bản của phân môn Tập viết:

Mục đích nâng cao chất lượng dạy viết cho giáo viên cần nắm chắc chương trình và vận dụng tập viết hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo để nắm vững nội dung và phương pháp dạy các môn học khác nhằm phát huy vai trò công cụ của phân môn Tập viết. Ở lớp 1 ngoài việc tập viết trong phân môn học vần, chương trình còn dành riêng mỗi tuần 2 tiết tập viết chia làm 3 giai đoạn:

- Giai đoạn 1(1 tuần): Giúp học sinh nắm vững những thao tác chung của quá trình tập viết, luyện đúng tác cầm bút, cách để vở, tư thế ngồi viết, xác định đúng kẻ trên vở tập viết và trên khung chữ cần tập viết, tập viết các chữ, cấu tạo của chữ cái.

- Giai đoạn 2 : Luyện viết các chữ cái viết thường, viết hoa đúng, viết chữ số theo đúng quy trình...

- Giai đoạn 3: Học sinh nhìn bài viết trên bảng để chép lại theo cách nhìn, kết hợp nghe giáo viên đọc to tiếng và trình bày bài viết.

2. Chuẩn bị các điều kiện cho học sinh viết đúng:

Tập viết là phân môn thực hành. Tính chất thực hành thể hiện hoạt động của giáo viên và trọng tâm là hoạt động của học sinh. Hoạt động của giáo viên và học sinh cần đạt kết quả cao hay không phụ thuộc nhiều vào những điều kiện ban đầu về cơ sở vật chất như ánh sáng, bàn ghế, đồ dùng học tập... Chuẩn bị tốt những điều kiện này mới có thể tạo được tâm thế thoải mái duy trì nề nếp học tập tốt cho học sinh.

a. Những điều kiện về cơ sở vật chất:

a.1. Ánh sáng phòng học:

Phòng học được thiết kế theo kích thước chuẩn phù hợp với tầm nhìn của học sinh trong lớp, có đủ ánh sáng cho mọi học sinh theo quy định của vệ sinh học đường. Chất lượng ánh sáng phải đảm bảo học sinh nhìn được chữ trên bảng dù đứng thì lại không làm bóng chữ bảng.

a.2. Bảng lớp:

Bảng lớp được treo cao và phải, cạnh dưới của bảng ngang tầm đầu của học sinh ngồi trong lớp. Bảng có kích thước tối thiểu 1,2m x 2,4 m, sơn màu phù hợp để làm nổi các nét chữ viết bằng phấn (hoặc bút). Trên bảng có dòng kẻ, cỡ li 4cm đến 5cm, chia đôi bảng mặt bên là dòng kẻ ngang mặt bên là dòng kẻ cỡ ô li giống như trong vở viết của học sinh.

a.3. Bàn ghế học sinh: Bàn ghế của học sinh lớp 1 yêu cầu phải thấp hơn bàn ghế của các khối lớp trên để khi ngồi khuỷu tay của các em ngang với mặt bàn. Bàn ghế phải đảm bảo tính thẩm mỹ để tạo cho học sinh niềm hứng thú học tập.

a.4. Bảng con của học sinh:

Bảng con là một phương tiện dạy học rất hữu dụng và giúp học sinh thuận tiện trong việc rèn chữ và dễ dàng cho giáo viên uốn sửa kỹ thuật viết cho học sinh. Bảng con tiện ích nhất là làm bằng gỗ nhẹ, dễ viết, dễ xóa, kích thước khoảng 20cm x 30cm. Trên bảng có kẻ ô li giống bảng lớp và vở viết.

a.5. Phấn, khăn lau và bút viết:

- Phấn viết cho học sinh không cứng quá để các con có thể viết dễ dàng theo . Và cũng nên chọn loại phấn không bụi để đảm bảo vệ sinh.

- Khăn lau bảng cần sạch sẽ, hơi ẩm và yêu cầu các con chỉ dùng để lau bảng.

- Đối với học sinh lớp 1 việc chọn bút là vô cùng quan trọng bởi các con tự nhiên tay còn yếu và chưa được khéo léo chưa biết cách

điều chỉnh ng i b t viết theo . Theo kinh nghiệm của bản thân khi dạy tập viết l p 1 tôi đã th ng nhất và h ng dẫn cho ph huynh h c sinh cách ch n b t viết ph h p. Ở giai đoạn đầu khi h c sinh viết b t chì n n ch n loại b t chì c đ c ng v a phải . Nếu b t c ng quá sẽ làm cho các con khi viết phải tì mạnh tay khiến các con nhanh m i. C n b t mềm quá thì ng i b t sẽ nhanh gãy, nết ch to không đẹp mà c n gây bẩn v . M i h c sinh cần c m t chiếc g t b t vì trong quá trình viết ru t chì m n đi, đầu b t sẽ to khiến nết ch c a các em không g n, ch viết sẽ không đẹp. Khi g t b t giáo vi n c ng cần h ng dẫn các con không g t nh n quá khiến nết ch mảnh mà lại dễ gãy. V i b t m c cần ch n cho các con loại b t g n nết không thanh quá hoặc đậm quá, m c xu ng đều, b t phải nhẹ, kích th c ph h p v i bàn tay để các con dễ cầm khi viết.

a.6. V tập viết:

ây là phong tiện luyện tập th c hành quan tr ng c a h c sinh, vì vậy y u cầu m i h c sinh cần c đ v viết. Giáo vi n cần nắm v ng y u cầu và đặc điểm c a t ng bài viết để h ng dẫn cách viết thích h p.

b. H ng dẫn t thế ng i viết:

b.1. T thế ng i viết: Mu n viết đ ng kĩ thuật ngay t nh ng tiết h c đầu ti n tôi đã ch r n cho h c sinh t thế ng i viết đ ng v a tạo điều kiện ng i luyện viết thoải mái v a đảm bảo tính mĩ h c. Khi ng i viết, h c sinh phải ng i ngay ngắn, lng thẳng, không tì ng c vào cạnh bàn, hai chân để vuông g c thoải mái, đầu hơi c i, hai mắt cách mặt v t 25cm đến 30cm. Cánh tay trái đặt vuông g c v i cơ thể tì nhẹ l n v để gi v không x dịch khi viết, tay phải cầm b t.

b.2. Cách cầm b t:

Cầm b t đ ng cách là điều kiện cơ bản để h c sinh viết đ ng kĩ thuật. Cầm b t bằng tay phải. Khi viết, h c sinh cầm b t và điều khiển b t bằng ba ng n tay(ng n tr , ng n cái, ng n gi a). àu ng n tay tr đặt phía tr n, đầu ng n tay gi a b n trái, phía

b n phải c a đầu b t t a vào cạnh đ i đầu ng n tay gi a. Ba điểm t a này gi b t và điều khiển ng i b t dịch chuyển linh hoạt. ng tác viết cần c s ph i h p cử đ ng c a c tay, khu u tay và cánh tay. Giáo vi n cần lu nhắc nh h c sinh th ng xuy n để các con luôn c th c cầm b t đ ng.

c. d ng tr c quan:

Trong dạy h c tập viết tôi luôn ch sử d ng đ d ng tr c quan triệt để nhằm m c đích gi p h c sinh khắc sâu nh ng biểu t ng về ch viết, c th c viết đ ng mẫu, tạo h ng th h c tập cho h c sinh. C thể sử d ng các đ d ng tr c quan nh sau:

- Mẫu ch trong khung ch ph ng to đ c treo c định l p h c làm tr c quan cho h c sinh trong gi tập viết và cả trong các gi h c khác.

- B ch cái ph ng to in tr n giấy bìa sẽ gi p h c sinh dễ quan sát, t đ tạo điều kiện để các em phân tích hình dáng, kích th c và các nét cơ bản cấu tạo ch cái cần viết trong bài h c.

- Ch mẫu c a giáo vi n c ng là m t hình th c tr c quan gi p h c sinh nắm đ c th t viết các nét c a t ng ch cái, cách n i các ch cái trong m t ch nhằm đảm bảo y u cầu viết liền mạch, viết nhanh. Vì thế giáo vi n cần c th c viết ch đẹp, đ ng mẫu, r ràng.

3. Th ng nhất m t s thuật ng :

Mu n h ng dẫn h c sinh viết đ ng kĩ thuật tr c ti n tôi cung cấp cho h c sinh m t s quy c về cách g i và thuật ng th ng d ng khi h c tập viết.a. Xác định đ ng kẻ:

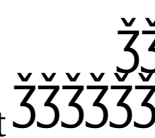
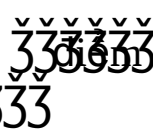
Ở v tập viết c a các em đặc sẵn các đ ng kẻ giáo vi n cần h ng dẫn các em m t s quy c về cách g i. là: đ ng kẻ ngang, đ ng kẻ d c. M i đơn vị đ ng kẻ trong v g m c 4 đ ng kẻ ngang(1 đ ng đầu đậm và 3 đ ng c n lại đ c in nhạt hơn).

 → đường kẻ ngang

đường kẻ dọc

b. §iÓm ®Æt bút:

Lµ §iÓm b¾t ®Çu khi viÕt mét nÐt trong ch÷ c, i. §iÓm ®Æt bút cũ thÓ n»m trªn ®êng kÝ ngang hoÆc kh«ng n»m trªn ®êng kÝ ngang.

điểm đặt bút

c. iểm d ng b t:

Là vị trí kết th c c a nã ch trong m t ch cái. iểm d ng c thể tr ng v i điểm đặt b t hoặc không nằm tr n đ ng kẻ ngang.

d. Kĩ thuật viết liền mạch:

Là thao tác đa ng i b t li n t c t điểm kết th c c a nã đ ng tr c t i điểm bắt đầu c a nã tiếp sau. Cần l u h c sinh các nã b t viết liền mạch khi viết không nhấc b t.

Ví d :



®. KÛ thuËt viÕt lia bút:

§Ó ®¶m b¶o tèc ®é viÕt trong qu, tr×nh viÕt mét ch÷ c, i hay viÕt nèi c, c ch÷ c, i vối nhau, nÐt bút ®íc thÓ hiÕn liªn tíc nhng đông cô viÕt(®Çu ngßi bút, phÊn) kh«ng ch¹m vµo mÆt ph¼ng viÕt(giÊy, b¶ng).

VÝ dô: Khi viÔt ch÷ Sa Pa, sau khi viÔt song con ch÷ s th× lia bót tĩ ®iÓm ®Æt bót cĩa con ch÷ a viÔt ch÷ a hoÆc sau khi viÔt song con ch÷ p lia bót viÔt tiÕp con ch÷ a.

333333
333333

e. KÛ thuËt r^a bót:

§ã lụ trêng híp viÔt ®Ì l^an theo híng ngêc lⁱi vúi nĐt ch÷ vĩa viÔt: đông cô viÔt (®Çu ngũi bót, phÊn) ch¹y nhÑ tĩ ®iÓm kÕt thóc cĩa nĐt ®øng tríc ®Õn ®iÓm b^{3/4}t ®Çu cĩa nĐt liÒn sau.

VÝ dô tĩ ®iÓm đông bót cĩa ch÷ c_i m r^a bót viÔt tiÕp ch÷ c_i e sao cho liÒn m¹ch

333333
333333

4. D¹y kÛ thuËt nèi nĐt t¹o thụn ch÷ c_i:NÕu cĩng mét lóc ®ßi hái hãc sinh viÔt ®óng vµ ®Ñp ngay lụ ®iÒu rÊt khã thùc hiÕn. MÆt kh,c c¹n cø vµo ®Æc ®iÓm cÊu t¹o nĐt vµ mèi quan hÖ vÒ c_ich viÔt c_ic ch÷ c_i ®Ó hãc sinh viÔt ®óng kÛ thuËt ngay tĩ ®Çu t«i t«i chia nhãm ch÷ vµ x_c ®Đnh ch÷ trãng t©m ®¹i diÕn cho mçi nhãm ch÷ hãc sinh hay sai chç nµo gÆp khã kh¹n g× khi viÔt c_ic ch÷ ẽ nhãm ®ã.

Nhóm 1: Gồm các chữ: m, n, i, u, , v, r, t. Vì nhóm chữ này học sinh hay mắc lỗi viết chưa đúng nên tôi giao các nét, nét m, c cho học sinh bị động nghỉ ngơi, khi hát lên thì học sinh choãi chân ra nên không đúng.

- Để khắc phục điều này tôi điểm trực tiếp ngay tại chỗ bắt đầu từ nét tôi đặt trực tiếp tâm rèn luyện học sinh viết nét m, c ngay, m, c hai đầu thật đúng, thật ngay ngắn từ khi ghép các nét tạo thành chữ. Khi ghép chữ tôi luôn chỉ minh họa nét điểm đặt bắt đầu, điểm dừng bắt đầu của nét để học sinh viết cân đối, đẹp.

- Từ các nét cơ bản nhóm chữ thì nhất định viết đúng kỹ thuật học sinh sẽ có cơ sở viết chữ nhóm chữ 2.

Nhóm 2: Gồm các chữ: l, b, k, h, y

Ở nhóm chữ này học sinh hay viết sai điểm giao nhau của nét khuyết và chữ viết còn cong vẹo.

- Để giúp học sinh viết đúng điểm giao nhau của các nét khuyết tôi luôn cho học sinh xác định rõ ràng điểm giao nhau của nét khuyết bằng một dấu chấm nhỏ và rèn cho học sinh thói quen luôn bắt đầu từ điểm bắt đầu qua đúng chấm rồi mới bắt đầu tiếp thì mới viết đúng.

- Vì vậy học sinh lớp 1 để viết đúng nhóm chữ này thẳng, ngay ngắn thì cần rèn cho học sinh biết viết nét s thật đúng, thật thẳng ngay các bài nét chữ cơ bản khi nào thành thạo thì mới tiến hành viết nét khuyết.

Nhóm 3: Gồm các chữ: o, ô, ơ, ă, â, d, đ

Vì nhóm chữ này nhiều học sinh nghĩ là đơn giản nhưng thực tế hầu hết học sinh viết sai từ chữ O như chiều ngang quá rộng hoặc quá hẹp, nét chữ không đều đầu to đầu bé

Chính vì vậy tôi cần chú ý dạy học sinh viết chữ O đúng cách. Tôi sẽ cho học sinh viết chữ O đúng cách, đúng chiều ngang, đúng chiều cao, đúng nét chữ. Tôi sẽ cho học sinh viết chữ O đúng cách, đúng chiều ngang, đúng chiều cao, đúng nét chữ. Tôi sẽ cho học sinh viết chữ O đúng cách, đúng chiều ngang, đúng chiều cao, đúng nét chữ.

ch÷ O t«i kỈ mét « vu«ng trªn b¶ng rªi chia ra 3 phÇn b»ng nhau, ®,nh dÊu 4
 ®iÓm ẽ gi÷a c,c c¹nh h×nh ch÷ nhÊt, dïng phÊn mµu chÊm h×nh ch÷ O sau ®ã t«
 lªn c,c dÊu chÊm, vĩa t« vĩa gi¶ng kÛ, nhÊn m¹nh ®iÓm ®Æt bót ®Çu tiªn vµ
 ®iÓm đồng bót chÝnh lµ ®iÓm ®Ó viÕt thªm dÊu ” ,” cĩa ch÷ ¬ vµ lµ

.....

*The using software is free version, you can upgrade it to the upgrade
 version.<http://www.convert-pdf-word.com>* **Phần thứ nhất**

ĐẶT VẤN ĐỀ

Chương trình toán của tiểu học có vị trí và tầm quan trọng rất lớn. Toán học góp phần quan trọng trong việc đặt nền móng cho việc hình thành và phát triển nhân cách học sinh. Trên cơ sở cung cấp những tri thức khoa học ban đầu về số học, các số tự nhiên, các số thập phân, các đại lượng cơ bản, giải toán có lời văn ứng dụng thiết thực trong đời sống và một số yếu tố hình học đơn giản.

Môn toán ở tiểu học bước đầu hình thành và phát triển năng lực trừu tượng hóa, khái quát hóa, kích thích trí tưởng tượng, gây hứng thú học tập toán, phát triển hợp lý khả năng suy luận và biết diễn đạt đúng bằng lời, bằng viết, các suy luận đơn giản, góp phần rèn luyện phương pháp học tập và làm việc khoa học, linh hoạt sáng tạo.

Mục tiêu nói trên được thông qua việc dạy học các môn học, đặc biệt là môn toán. Môn này có tầm quan trọng vì toán học với tư cách là một bộ phận khoa học nghiên cứu hệ thống kiến thức cơ bản và sự nhận thức cần thiết trong đời sống sinh hoạt và lao động của con người. Môn toán là "chìa khóa" mở cửa cho tất cả các ngành khoa học khác, nó là công cụ cần thiết

của người lao động trong thời đại mới. Vì vậy, môn toán là bộ môn không thể thiếu được trong nhà trường, nó giúp con người phát triển toàn diện, nó góp phần giáo dục tình cảm, trách nhiệm, niềm tin và sự phồn vinh của quê hương đất nước.

Trong dạy - học toán ở tiểu học, việc giải toán có lời văn chiếm một vị trí quan trọng. Có thể coi việc dạy - học và giải toán là "hòn đất thử vàng" của dạy - học toán. Trong giải toán, học sinh phải tư duy một cách tích cực và linh hoạt, huy động tích cực các kiến thức và khả năng đã có vào tình huống khác nhau, trong nhiều trường hợp phải biết phát hiện những dữ kiện hay điều kiện chưa được nêu ra một cách tường minh và trong chừng mực nào đó, phải biết suy nghĩ năng động, sáng tạo. Vì vậy có thể coi giải toán có lời văn là một trong những biểu hiện năng động nhất của hoạt động trí tuệ của học sinh.

Dạy học giải toán có lời văn ở tiểu học nhằm mục đích chủ yếu sau:

- Giúp học sinh luyện tập, củng cố, vận dụng các kiến thức và thao tác thực hành đã học, rèn luyện kỹ năng tính toán bước tập được vận dụng kiến thức và rèn luyện kỹ năng thực hành vào thực tiễn.
- Giúp học sinh từng bước phát triển năng lực tư duy, rèn luyện phương pháp và kỹ năng suy luận, khéo gọi và tập được khả năng quan sát, phỏng đoán, tìm tòi.
- Rèn luyện cho học sinh những đặc tính và phong cách làm việc của người lao động, như: cẩn thận, chu đáo, cụ thể...

Ở học sinh lớp 5, kiến thức toán đối với các em không còn mới lạ, khả năng nhận thức của các em đã được hình thành và phát triển ở các lớp trước, tư duy đã bắt đầu có chiều hướng bền vững và đang ở giai đoạn phát triển. Vốn sống, vốn hiểu biết thực tế đã bước đầu có những hiểu biết nhất định. Tuy nhiên trình độ nhận thức của học sinh không đồng đều, yêu cầu đặt ra

khi giải các bài toán có lời văn cao hơn những lớp trước, các em phải đọc nhiều, viết nhiều, bài làm phải trả lời chính xác với phép tính, với các yêu cầu của bài toán đưa ra, nên thường vướng mắc về vấn đề trình bày bài giải: sai sót do viết không đúng chính tả hoặc viết thiếu, viết từ thừa. Một sai sót đáng kể khác là học sinh thường không chú ý phân tích theo các điều kiện của bài toán nên đã lựa chọn sai phép tính.

Với những lý do đó, trong học sinh tiểu học nói chung và học sinh lớp Năm nói riêng, việc học toán và giải toán có lời văn rất quan trọng và rất cần thiết. Để thực hiện tốt mục tiêu đó, giáo viên cần phải nghiên cứu, tìm biện pháp giảng dạy thích hợp, giúp các em giải bài toán một cách vững vàng, hiểu sâu được bản chất của vấn đề cần tìm, mặt khác giúp các em có phương pháp suy luận toán logic thông qua cách trình bày, lời giả đúng, ngắn gọn, sáng tạo trong cách thực hiện. Từ đó giúp các em hứng thú, say mê học toán. Từ những căn cứ đó tôi đã chọn đề tài "Một số biện pháp nâng cao chất lượng giải toán có lời văn cho học sinh lớp 5" để nghiên cứu, với mục đích là:

- Tìm hiểu nội dung, chương trình và những phương pháp dùng để giảng dạy toán có lời văn.
- Tìm hiểu những kỹ năng cơ bản cần trang bị để phục vụ việc giải toán có lời văn cho học sinh lớp Năm.
- Khảo sát và hướng dẫn giải cụ thể một số bài toán, một số dạng toán có lời văn ở lớp Năm, từ đó đúc rút kinh nghiệm, đề xuất một số ý kiến góp phần nâng cao chất lượng dạy học giải toán có lời văn.

Phần thứ hai

NỘI DUNG

I. CƠ SỞ KHOA HỌC:

1/ Cơ sở lý luận:

Giải toán là một thành phần quan trọng trong chương trình giảng dạy môn toán ở bậc tiểu học. Nội dung của việc giải toán gắn chặt một cách hữu cơ với nội dung của số học và số học tự nhiên, các số thập phân, các đại lượng cơ bản và các yếu tố đại số, hình học có trong chương trình.

Vì vậy, việc giải toán có lời văn có một vị trí quan trọng thể hiện ở các điểm sau:

- a) Các khái niệm và các quy tắc về toán trong sách giáo khoa, nói chung

đều được giảng dạy thông qua việc giải toán. Việc giải toán giúp học sinh củng cố, vận dụng các kiến thức, rèn luyện kỹ năng tính toán. Đồng thời qua việc giải toán của học sinh mà giáo viên có thể dễ dàng phát hiện ra những ưu điểm hoặc thiếu sót của các em về kiến thức, kỹ năng và tư duy để giúp các em phát huy hoặc khắc phục.

b) Việc kết hợp học và hành, kết hợp giảng dạy với đời sống được thực hiện thông qua việc cho học sinh giải toán, các bài toán liên hệ với cuộc sống một cách thích hợp giúp học sinh hình thành và rèn luyện những kỹ năng thực hành cần thiết trong đời sống hàng ngày, giúp các em biết vận dụng những kỹ năng đó trong cuộc sống.

c) Việc giải toán góp phần quan trọng trong việc xây dựng cho học sinh những cơ sở ban đầu của lòng yêu nước, tinh thần quốc tế vô sản, thế giới quan duy vật biện chứng: việc giải toán với những đề tài thích hợp, có thể giới thiệu cho các em những thành tựu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta và các nước anh em, trong công cuộc bảo vệ hòa bình của nhân dân thế giới, góp phần giáo dục các em bảo vệ môi trường, phát triển dân số có kế hoạch.... Việc giải toán có thể giúp các em thấy được nhiều khái niệm toán học. Ví dụ: các số, các phép tính, các đại lượng...đều có nguồn gốc trong cuộc sống hiện thực, trong thực tiễn hoạt động của con người, thấy được các mối quan hệ biện chứng giữa các dữ kiện, giữa cái đã cho và cái phải tìm...

d) Việc giải toán góp phần quan trọng vào việc rèn luyện cho học sinh năng lực tư duy và những đức tính tốt của người lao động mới. Khi giải một bài toán, tư duy của học sinh phải hoạt động một cách tích cực vì các em cần phân biệt cái gì đã cho và cái gì cần tìm, thiết lập các mối liên hệ giữa các dữ kiện của bài toán giữa cái đã cho và cái phải tìm. Suy luận, nêu lên những phán đoán, rút ra những kết luận, thực hiện phép tính cần thiết để giải quyết

vấn đề đặt ra.... Hoạt động trí tuệ có trong việc giải toán góp phần giáo dục cho các em ý trí vượt khó khăn, đức tính cẩn thận, chu đáo, làm việc có hiệu quả, có kế hoạch, thói quen xem xét có căn cứ, có thói quen tự kiểm tra kết quả công việc mình làm, có óc độc lập, suy nghĩ sáng tạo, tìm ra những lời giải mới, hay và ngắn gọn...

* Nội dung chương trình Toán lớp 5:

1. Ôn tập về số tự nhiên.
2. Ôn tập về các phép tính số tự nhiên.
3. Dấu hiệu chia hết cho 2, 3, 5, 9.
4. Phân số (ôn tập, bổ sung).
5. Các phép tính về phân số.
6. Số thập phân.
7. Các phép tính về số thập phân.
8. Hình học - chu vi, diện tích, thể tích của một hình.
9. Số đo thời gian - Toán chuyển động đều.

2/ Cơ sở thực tiễn:

Toán có lời văn thực chất là những bài toán thực tế. Nội dung bài toán được thông qua những câu văn nói về những quan hệ, tương quan và phụ thuộc, có liên quan đến cuộc sống thường xảy ra hàng ngày. Cái khó của bài toán có lời văn là phải lược bỏ những yếu tố về lời văn đã che đậy bản chất toán học của bài toán, hay nói cách khác là chỉ ra mối quan hệ giữa các yếu tố toán học chứa đựng trong bài toán và nêu ra phép tính thích hợp để từ đó tìm được đáp số bài toán.

a) Đề bài của bài toán có lời văn bao giờ cũng có hai phần:

- Phần đã cho hay còn gọi là giả thiết của bài toán.
- Phần phải tìm hay còn gọi là kết luận của bài toán.

Ngoài ra, trong đề toán có nêu mối quan hệ giữa phần đã cho và phần

phải tìm hay thực chất là các mối quan hệ tương quan phụ thuộc vào giả thiết và kết luận của bài toán.

b) Quy trình giải toán có lời văn thường thông qua các bước sau:

- Nghiên cứu kỹ đầu bài: Trước hết cần đọc cẩn thận đề toán, suy nghĩ về ý nghĩa bài toán, nội dung bài toán, đặc biệt là chú ý đến câu hỏi bài toán. Chớ vội tính toán khi chưa đọc kỹ đề toán.

- Thiết lập mối quan hệ giữa các số đã cho và diễn đạt nội dung bài toán bằng ngôn ngữ hoặc tóm tắt điều kiện bài toán, hoặc minh họa bằng sơ đồ hình vẽ.

- Lập kế hoạch giải toán: Học sinh phải suy nghĩ xem để trả lời câu hỏi của bài toán cần thực hiện phép tính gì? Suy nghĩ xem từ số đã cho và điều kiện của bài toán có thể biết gì? Có thể làm phép tính gì? Phép tính đó có thể giúp trả lời câu hỏi của bài toán không? Trên các cơ sở đó, suy nghĩ để thiết lập trình tự giải toán.

- Thực hiện phép tính theo trình tự kế hoạch đã thiết lập để tìm đáp số. Mỗi khi thực hiện phép tính cần kiểm tra xem đã tính đúng chưa? Phép tính được thực hiện có dựa trên cơ sở đúng đắn không?

Giải xong bài toán, khi cần thiết, cần thử lại xem đáp số tìm được có trả lời đúng câu hỏi của bài toán, có phù hợp với các điều kiện của bài toán không? Trong một số trường hợp, giáo viên nên khuyến khích học sinh tìm xem có cách giải khác gọn hơn không?

Ví dụ 1: Thùng to có 26 lít dầu, thùng bé có 18 lít dầu. Dầu được chứa vào các chai như nhau, mỗi chai có 0,8 lít. Hỏi có tất cả bao nhiêu chai dầu?

Giáo viên hướng dẫn học sinh thực hiện bài toán trên bằng cách dùng phương pháp vấn đáp, kết hợp với minh họa bằng tóm tắt đề toán.

+ **Phân tích nội dung đề toán:** Giáo viên dùng hai câu hỏi: Bài toán cho biết gì? Bài toán hỏi gì? Để học sinh thấy rõ nội dung:

- Thùng to có 26 lít dầu.
- Thùng bé có 18 lít dầu.
- Mỗi chai chứa 0,8 lít dầu.
- Hỏi có tất cả bao nhiêu chai dầu?

+ **Tóm tắt bài toán:** Theo những câu trả lời của học sinh, giáo viên hướng dẫn học sinh tóm tắt như sau:

Thùng to: 26 lít.

Thùng bé: 18 lít.

Có :..... chai dầu?

Tóm tắt trên chính là chỗ dựa cho học sinh tự tìm ra lời giải và phép tính tương ứng.

+ **Thiết lập trình tự giải:** Giáo viên đặt câu hỏi "Muốn biết có bao nhiêu chai dầu, ta làm như thế nào?" Học sinh trả lời : "Trước hết ta phải tìm tổng số lít dầu có ở hai thùng; sau đó mới tìm tổng số chai đựng dầu".

Bài giải

Tổng số lít dầu có ở hai thùng là:

$$26 + 18 = 44 \text{ (lít)}$$

Số chai đựng dầu là:

$$44 : 0,8 = 55 \text{ (chai)}$$

Đáp số: 55 chai

II. CÁC PHƯƠNG PHÁP DÙNG ĐỂ DẠY GIẢI BÀI TOÁN CÓ LỜI

VĂN:

1/ Phương pháp trực quan:

Nhận thức của trẻ từ 6 đến 11 tuổi còn mang tính cụ thể, gắn với các hình ảnh và hiện tượng cụ thể, trong khi đó kiến thức của môn toán lại có tính trừu tượng và khái quát cao. Sử dụng phương pháp này giúp học sinh có chỗ dựa cho hoạt động tư duy, bổ xung vốn hiểu biết, phát triển tư duy trừu

tượng và vốn hiểu biết. Đối với học sinh lớp 5, việc sử dụng đồ dùng trực quan ít hơn các lớp trước và bớt dần đi việc dùng đồ vật thật. Ví dụ: Khi dạy giải toán ở lớp năm, giáo viên có thể cho học sinh qua sát mô hình hoặc hình vẽ, sau đó lập tóm tắt đề bài rồi mới đến bước chọn phép tính.

2/ Phương pháp gợi mở - vấn đáp:

Đây là phương pháp rất cần thiết và thích hợp với học sinh tiểu học, rèn cho học sinh cách suy nghĩ, cách diễn đạt bằng lời, tạo niềm tin và khả năng học tập của từng học sinh. Để sử dụng tốt phương pháp này, giáo viên cần lựa chọn hệ thống câu hỏi chính xác và rõ ràng, nhờ thế học sinh có thể nắm được bài học ngay từ đầu và giúp các em trả lời được dễ dàng hơn.

3/ Phương pháp thực hành luyện tập:

Sử dụng phương pháp này để thực hành luyện tập kiến thức, kỹ năng giải toán từ đơn giản đến phức tạp (chủ yếu ở các tiết luyện tập). Trong quá trình học sinh luyện tập, giáo viên có thể phối hợp các phương pháp như: gợi mở, vấn đáp và giảng giải minh họa.

4/ Phương pháp sơ đồ đoạn thẳng:

Giáo viên sử dụng sơ đồ đoạn thẳng để biểu diễn các đại lượng đã cho trong bài và mối liên hệ phụ thuộc giữa các đại lượng đó. Giáo viên phải chọn độ dài đoạn thẳng một cách thích hợp để học sinh dễ dàng quan sát và thấy được mối liên hệ phụ thuộc giữa các đại lượng tạo ra hình ảnh cụ thể để giúp học sinh suy nghĩ, tìm tòi giải toán.

5/ Phương pháp giảng giải - minh họa:

Khi cần giảng giải - minh họa, giáo viên cần nói gọn, rõ và kết hợp với gợi mở - vấn đáp. Giáo viên nên phối hợp giảng giải với hoạt động thực hành của học sinh (ví dụ: Bảng hình vẽ, mô hình, vật thật....) để học sinh phối hợp nghe, nhìn và làm. Nên hạn chế sử dụng phương pháp này vì sẽ làm hạn chế khả năng tư duy lô gic và suy nghĩ sáng tạo của học sinh.

III. MỘT SỐ BIỆN PHÁP ĐỂ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢI CÁC BÀI TOÁN CÓ LỜI VĂN Ở LỚP 5:

Muốn phân tích được tình huống, lựa chọn phép tính thích hợp, các em cần nhận thức được: cái gì đã cho, cái gì cần tìm, mối quan hệ giữa cái đã cho và cái phải tìm. Trong bước đầu giải toán, việc nhận thức và việc lựa chọn phép tính với các em là một việc khó. Để giúp các em khắc phục khó khăn này, cần dựa vào các hoạt động cụ thể của các em với vật thật, với mô hình, dựa vào hình vẽ, các sơ đồ toán học...nhằm làm cho các em hiểu khái niệm "gấp" với phép nhân, khái niệm "một phần...."với phép chia" trong tương quan giữa các mối quan hệ với bài toán.

Trong một bài toán, câu hỏi có một chức năng quan trọng vì việc lựa chọn phép tính thích hợp được quy định không chỉ bởi các dữ kiện mà còn bởi các câu hỏi. Với cùng các dữ kiện như nhau có thể đặt các câu hỏi khác nhau, do đó việc lựa chọn phép tính cũng khác nhau. Việc thấu hiểu câu hỏi của bài toán là điều kiện căn bản để giải đúng bài toán đó. Những trẻ em trong giai đoạn đầu khi mới giải toán chưa nhận thức được đầy đủ chức năng của câu hỏi trong bài toán. Để rèn luyện cho các em suy luận đúng, cần giúp các em nhận thức được chức năng quan trọng của câu hỏi trong bài toán. Câu hỏi của bài toán, đôi khi nêu cho các em bài toán vui không giải được. Chẳng hạn: "Trên cành cây có 10 con chim. Người thợ săn bắn rơi 2 con chim. Hỏi trong lồng còn mấy con chim?" Có em sẽ nhầm và trả lời là 8 con chim. Lúc đó giáo viên sẽ giải thích để học sinh nhận ra cái sai trong câu hỏi của bài toán.

Đối với toán có lời văn ở lớp 5, chủ yếu là các bài toán hợp, giải các bài toán hợp cũng có nghĩa là giải quyết các bài toán đơn. Mặt khác các dạng toán đều đã được học ở các lớp trước, bao gồm 2 nhóm chính như sau:

a) Nhóm 1: Các bài toán hợp mà quá trình giải không theo một phương

pháp thống nhất cho các bài toán đó.

b) Nhóm 2: Các bài toán điển hình là các bài toán mà trong quá trình giải có phương pháp riêng cho từng dạng bài toán. Trong chương trình toán 5 có những dạng toán điển hình sau:

- Tìm số trung bình cộng.
- Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó.
- Tìm hai số khi biết tổng và tỉ số của hai số đó.
- Tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số đó.
- Bài toán liên quan đến đại lượng tỉ lệ thuận, tỉ lệ nghịch.

Người giáo viên phải nắm vững các dạng toán để khi hướng dẫn học sinh giải toán sẽ tổ chức cho học sinh trước hết dạng toán để có cách giải phù hợp.

Giải toán là một hoạt động trí tuệ khó khăn, phức tạp. Hình thành kỹ năng giải toán khó hơn nhiều so với hình thành kỹ năng tính. Vì bài toán là sự kết hợp đa dạng nhiều khái niệm, quan hệ toán học. Giải toán không chỉ là nhớ mẫu để rồi áp dụng, mà đòi hỏi phải nắm chắc khái niệm, quan hệ toán học, nắm chắc ý nghĩa của phép tính, đòi hỏi khả năng suy nghĩ độc lập của học sinh, đòi hỏi phải biết tính đúng.

Các bước để giải một bài toán có lời văn ở tiểu học nói chung và lớp 5 nói riêng đã được đề cập ở một số sách về phương pháp giải toán ở bậc tiểu học. Ở đây tôi rút ra một số kinh nghiệm hướng dẫn: phần dạy toán có lời văn ở lớp 5.

Ở lớp 5, việc học phân số, học số thập phân, học về các đơn vị đo đại lượng... Cũng được kết hợp học các phép tính, học giải toán được kết hợp một cách hữu cơ để có tác dụng hỗ trợ lẫn nhau. Việc dạy cho học sinh nắm được các phương pháp chung để giải toán được chú trọng ngay từ khi các em giải bài toán đầu tiên ở bậc tiểu học và sau này vẫn được thường xuyên quan

tâm. Các em luôn được rèn luyện trong việc tìm hiểu đề toán, trong việc phân tích cái gì đã cho, cái gì phải tìm trong việc suy nghĩ tìm ra cách giải và trong việc thực hiện cách giải. Đặc biệt các em thường xuyên sử dụng việc tóm tắt bằng sơ đồ, hình vẽ.

Sau đây là một số ví dụ về các dạng toán có lời văn ở lớp 5:

Ví dụ 1: Bài toán về đại lượng tỉ lệ thuận:

Một ô tô cứ đi 100 km thì hết 12,5 lít xăng. Hỏi ô tô đi quãng đường dài 120 km thì cần bao nhiêu lít xăng?

Bài giải

Số lít xăng ô tô cần có để đi 1 km là:

$$12,5 : 100 = 0,125 \text{ (l)}$$

Số lít xăng ô tô cần có để đi quãng đường 60 km là:

$$0,125 \times 120 = 15 \text{ (l)}$$

Đáp số: 15 lít.

Ví dụ 2: Toán chuyển động đều:

Một người đi hết quãng đường dài 11,52 km với vận tốc 4,5 km / giờ. Hỏi người đó đã đi hết bao nhiêu giờ và bao nhiêu phút?

Bài giải

Thời gian ô tô đi hết quãng đường là:

$$11,52 : 4,5 = 2,5 \text{ (giờ)}$$

$$= 2 \text{ giờ } 30 \text{ phút.}$$

Đáp số : 2 giờ 30 phút.

Ví dụ 3: Bài toán về tỉ lệ nghịch:

Một đơn vị bộ đội có 45 người đã chuẩn bị gạo đủ ăn trong 15 ngày. Nhưng sau 5 ngày đơn vị đó tiếp nhận thêm 5 người nữa. Hãy tính xem số gạo còn lại đủ cho đơn vị ăn trong bao nhiêu ngày nữa, biết rằng các suất ăn đều như nhau.

Bài giải

Số gạo còn lại đủ cho 45 người ăn trong số ngày là:

$$15 - 5 = 10 \text{ (ngày)}$$

Số người của đơn vị sau khi tăng là:

$$45 + 5 = 50 \text{ (người)}$$

Vì số gạo còn lại đủ cho 45 người ăn trong 10 ngày, nên nếu 1 người ăn số gạo đó thì sẽ đủ trong số ngày là:

$$10 \times 45 = 450 \text{ (ngày)}$$

Vậy 50 người ăn số gạo còn lại trong số ngày là:

$$450 : 50 = 9 \text{ (ngày)}$$

Đáp số: 9 ngày

Ví dụ 4: Bài toán về nhân số thập phân với số thập phân:

Một khu vườn hình chữ nhật có chiều dài 27,18 m, chiều rộng 9,4 m.

Tính chu vi và diện tích khu vườn đó.

Tóm tắt:

Chiều dài: 27,18 m

Chiều rộng: 9,4 m

Chu vi: ? m; Diện tích: ?m

Bài giải

Chu vi của vườn cây hình chữ nhật là:

$$(27,18 + 9,4) \times 2 = 72,96 \text{ (m)}$$

Diện tích khu vườn hình chữ nhật là:

$$27,18 \times 9,4 = 255,492 \text{ (m}^2\text{)}$$

Đáp số: 1) 72,96 m

2) 255,492 m²

Ví dụ 5: bài toán về tỉ số phần trăm:

Ngày thường mua 5 quả bóng bay hết 10 000 đồng. Cũng với số tiền đó

trong ngày lễ chỉ mua được 4 quả bóng như thế. Hỏi so với ngày thường thì giá bóng trong ngày lễ tăng hay giảm bao nhiêu phần trăm?

Bài giải

Giá tiền một quả bóng bay ngày thường là:

$$10000 : 5 = 2000 \text{ (đồng)}$$

Giá tiền một quả bóng bay đó trong ngày lễ là:

$$10000 : 4 = 2500 \text{ (đồng)}$$

Tỉ số phần trăm của giá bóng bay trong ngày lễ so với ngày thường là:

$$2500 : 200 = 1,25$$

$$1,25 = 125\%$$

Coi giá bóng trong ngày thường là 100% thì giá bóng trong ngày lễ hơn ngày thường là:

$$125\% - 100\% = 25\%$$

Đáp số : 25%

Đối với các bài toán có lời văn như trên, giáo viên nên khuyến khích học sinh tự nêu ra các giả thiết đã biết, cái cần phải tìm, cách tóm tắt bài toán và tìm đường lối giải. Các phép tính giải chỉ là khâu thứ yếu mang tính kĩ thuật.

Một số bài nâng cao dành cho học sinh khá giỏi:

Đối với những đối tượng học sinh đã giải được và giải thành thạo các bài toán đơn cơ bản, thì việc đưa ra hệ thống bài tập nâng cao là rất quan trọng và cần thiết để cho học sinh có điều kiện phát huy năng lực trí tuệ của mình, vượt xa khỏi tư duy cụ thể mang tính chất ghi nhớ và áp dụng một cách máy móc trong công thức. Qua đó phát triển trí thông minh cho học sinh.

Dưới đây là một số dạng bài nâng cao mà tôi đã thực hiện trong các tiết dạy để nâng cao tính hiểu biết, đồng thời bồi dưỡng học sinh giỏi

Ví dụ 1:

Nếu Kiên và Hiền cùng làm một công việc thì hoàn thành công việc trong 10 ngày. Sau 7 ngày cùng làm thì Kiên nghỉ việc, còn Hiền phải làm nốt phần việc còn lại trong 9 ngày nữa. Hãy tính xem nếu mỗi người làm riêng thì sau bao nhiêu ngày sẽ hoàn thành công việc đó?

Bài giải

Cách 1:

Kiên và Hiền cùng làm trong 1 ngày được $\frac{1}{10}$ công việc.

Kiên và Hiền cùng làm sau 7 ngày được:

$$\frac{1}{10} \times 7 = \frac{7}{10} \text{ (công việc)}$$

Phần việc còn lại do Hiền làm là:

$$1 - \frac{7}{10} = \frac{3}{10} \text{ (công việc)}$$

Mỗi ngày Hiền làm được là:

$$\frac{3}{10} : 9 = \frac{1}{30} \text{ (công việc)}$$

Số ngày Hiền làm một mình để xong công việc là:

$$1 : \frac{1}{30} = 30 \text{ (ngày)}$$

Mỗi ngày Kiên làm được là:

$$\frac{1}{10} - \frac{1}{30} = \frac{1}{15} \text{ (công việc)}$$

Số ngày Kiên làm một mình hết công việc là:

$$1 : \frac{1}{15} = 15 \text{ (ngày)}$$

Đáp số: Hiền: 30 ngày

Kiên: 15 ngày

Cách 2:

Coi công việc là 10 phần bằng nhau thì Kiên và Hiền cùng làm được 7 phần, nên còn lại 3 phần đó ($10 - 7 = 3$) là do Hiền làm tiếp trong 9 ngày nữa.

3 phần làm 9 ngày.

1 phần làm trong: $9 : 3 = 3$ (ngày)

10 phần làm trong: $3 \times 10 = 30$ (ngày)

Vậy Hiền làm riêng thì sau 30 ngày sẽ xong công việc.

Giải sử Hiền chỉ làm tiếp 3 ngày nữa thì mới thực hiện thêm 1 phần việc, còn 2 phần việc lẽ ra Kiên phải làm trong 3 ngày. Như thế Kiên làm nhanh gấp đôi Hiền. Vì vậy số ngày Kiên làm riêng để xong công việc là:

$$30 : 2 = 15 \text{ (ngày)}$$

Đáp số: Hiền: 30 ngày

Kiên: 15 ngày

Ví dụ 2:

Có một số lít dầu và một số can. Nếu mỗi can chứa 5 lít dầu thì còn thừa 5 lít. Nếu mỗi can chứa 6 lít dầu thì có 1 can không chứa dầu. Hỏi có bao nhiêu can, bao nhiêu lít dầu?

Bài giải

Nếu mỗi can chứa 5l dầu thì còn thừa 5l. Nếu mỗi can chứa 6l dầu thì có một can không chứa dầu, nghĩa là nếu thêm 6l dầu nữa thì không còn thừa một can nào cả. Do đó số dầu để chứa đủ mỗi can 6l sẽ nhiều hơn số dầu để chứa mỗi can 5l là:

$$5 + 6 = 11 \text{ (l)}$$

6l dầu nhiều hơn 5l dầu là:

$$6 - 1 = 5 \text{ (l)}$$

Số can có là:

$$11 : 1 = 11 \text{ (can)}$$

Có 11 can, mỗi can chứa 5l, còn thừa 5l thì số dầu có là:

$$5 \times 11 + 5 = 60 \text{ (l)}$$

Đáp số: 11 can

60 lít dầu

Ví dụ 3:

Lớp 5A tham gia học may, ngày thứ nhất có $\frac{1}{6}$ số học sinh của lớp và 2 em, ngày thứ hai có $\frac{1}{4}$ số học sinh còn lại và 1 em tham gia, ngày thứ ba có $\frac{2}{5}$ số học sinh còn lại sau 2 ngày và 3 em, ngày thứ tư có $\frac{1}{3}$ số còn lại và 1 em tham gia. Cuối cùng còn lại 5 em chưa tham gia. Hỏi lớp 5A có bao nhiêu học sinh?

Số học sinh :

Ngày 1 :

Ngày 2 :

Ngày 3 :

Ngày 4 :

Số học sinh còn lại sau khi tham gia ngày thứ 3 là:

$$(5 + 1) : 2 \times 3 = 9 \text{ (em)}$$

Số học sinh còn lại sau ngày thứ 2 là:

$$(9 + 3) : 3 \times 5 = 20 \text{ (em)}$$

Số học sinh còn lại sau ngày thứ nhất là:

$$(20 + 1) : 3 \times 4 = 28 \text{ (em)}$$

Số học sinh lớp 5A là:

$$(28 + 2) : 5 + 6 = 36 \text{ (em)}$$

Đáp số: 36 em

V. Kết quả nghiên cứu:

Qua một thời gian nghiên cứu đề ra một số biện pháp giải toán có lời văn ở lớp 5, tôi đã mạnh dạn tổ chức thực hiện chuyên đề toán, về phương pháp, về cách giải toán có lời văn cho học sinh lớp 5 được nâng cao và đạt hiệu quả cao. Kết quả đạt được cụ thể như sau:

Thời gian kiểm tra	Tổng số học sinh	Kết quả							
		Giỏi		Khá		TB		Yếu	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Giữa kỳ I	31	6	19,35	14	45,16	11	35,39	0	
Cuối kỳ I	31	7	22,58	14	45,16	10	32,26	0	
Cuối năm	31	8	25,8	15	48,39	8	25,81	0	

Từ những kết quả đạt được nêu trên, tôi thấy dạy giải toán có lời văn ở lớp 5 không những chỉ giúp cho học sinh củng cố, vận dụng các kiến thức đã học, mà còn giúp các em phát triển tư duy, sáng tạo trong học toán và biết vận dụng thực hành vào thực tiễn trong cuộc sống.

Phần thứ ba

KẾT LUẬN - ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN:

Hướng dẫn và giúp học sinh giải toán có lời văn nhằm giúp các em phát triển tư duy trí tuệ, tư duy phân tích và tổng hợp, khái quát hóa, trừu tượng hóa, rèn luyện tốt phương pháp suy luận logic. Bên cạnh đó đây là dạng toán rất gần gũi với đời sống thực tế.

Do vậy, việc giảng dạy toán có lời văn một cách hiệu quả giúp các em trở thành những con người linh hoạt, sáng tạo, làm chủ trong mọi lĩnh vực và trong cuộc sống thực tế hàng ngày.

Những kết quả mà chúng tôi đã thu được trong quá trình nghiên cứu không phải là cái mới so với kiến thức chung về môn toán ở bậc tiểu học, song lại là cái mới đối với bản thân tôi. Trong quá trình nghiên cứu, tôi đã phát hiện và rút ra nhiều điều lý thú về nội dung và phương pháp dạy học giải toán có lời văn ở bậc tiểu học. Tôi tự cảm thấy mình được bồi dưỡng thêm lòng kiên trì, nhẫn nại, sự ham muốn, say xưa với nghiên cứu. Tuy nhiên đề tài này của tôi là giai đoạn đầu nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học

nên không tránh khỏi những khiếm khuyết. Tôi mong muốn nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô giáo, của các bạn đồng nghiệp và những ai quan tâm đến vấn đề giải toán có lời văn cho học sinh ở bậc tiểu học nói chung, giải Toán có lời văn ở lớp 5 nói riêng.

II. MỘT SỐ ĐỀ XUẤT:

Qua thực tế giảng dạy môn toán ở Trường tiểu học nói chung và lớp 5 nói riêng, tôi thấy người giáo viên phải luôn luôn tìm tòi học hỏi, trau dồi kinh nghiệm để nâng cao trình độ nghiệp vụ.

Từ những kinh nghiệm thực tế trong những năm giảng dạy, để giúp học sinh thích học và giải toán có lời văn, tôi kiến nghị với các nhà soạn sách giáo khoa hãy lựa chọn, sắp xếp hệ thống các bài tập từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp để các em có thể vận dụng tốt các kiến thức đã học.

Đối với giáo viên, ở mỗi dạng toán cần hướng dẫn học sinh nhận dạng bằng nhiều cách: đọc, nghiên cứu đề, phân tích bằng nhiều phương pháp (Mô hình, sơ đồ đoạn thẳng, suy luận ...) để học sinh dễ hiểu, dễ nắm bài hơn. Không dừng lại ở kết quả ban đầu (giải đúng bài toán) mà nên có yêu cầu cao hơn đối với học sinh.

Ví dụ: Như yêu cầu học sinh ra một đề toán tương tự hoặc tìm nhiều lời giải khác nhau

Giáo viên phải luôn đổi mới phương pháp dạy bằng nhiều hình thức như: trò chơi, đồ vui ... phù hợp với đối tượng học sinh của mình: "*Lấy học sinh để hướng vào hoạt động học, người thầy là người hướng dẫn, tổ chức, trò nhận thức chủ động trong việc giải toán.*"

Trong giảng dạy, giáo viên cần chú ý phát triển tư duy, khả năng phân tích, tổng hợp, khả năng suy luận logic, giúp các em nắm chắc kiến thức cụ thể. Với bài toán có lời văn, đó là cách giải và trình bày lời giải, sử dụng tốt tất cả các phương pháp đã nêu ở trên.

Không dừng lại ở kết quả ban đầu (giải đúng bài toán) mà nên có yêu cầu cao hơn với học sinh. Ví dụ: yêu cầu một học sinh ra một đề toán tương tự hoặc tìm nhiều lời giải khác nhau...

Trong khi giải phải yêu cầu học sinh đặt câu hỏi: "Làm phép tính đó để làm gì?", từ đó có hướng giải đúng, chính xác.

Sau mỗi bài toán, học sinh phải biết xem xét lại kết quả của mình làm để giúp các em tự tin hơn khi giải quyết một vấn đề nào đó.

Qua cách dạy đã nêu trên đây, so với các lớp học theo chỉ dẫn của sách giáo khoa và sách giáo viên, tôi nhận thấy học sinh dễ hiểu bài hơn, dễ áp dụng hơn. Qua kết quả học tập của học sinh lớp tôi, các đồng nghiệp trong khối cũng nhận thấy cách hướng dẫn trên hay và có hiệu quả.

Hà Nội, tháng 3 năm 2011

Người thực hiện

Nguyễn Thị Nhu